

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quy phạm thành lập bản đồ địa chính tỷ lệ 1:200, 1:500, 1:1000, 1:2000, 1:5000 và 1:10000 ban hành kèm theo Quyết định số 08/2008/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 11 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 25/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Nghị định số 19/2010/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các điểm c, d, g, h và i khoản 5 Điều 2 Nghị định số 25/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý đất đai, Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ và Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

QUY ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quy phạm thành lập bản đồ địa chính tỷ lệ 1:200, 1:500, 1:1000, 1:2000, 1:5000 và 1:10000 ban hành kèm theo Quyết định số 08/2008/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 11 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (sau đây gọi tắt là Quy phạm 2008) như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1.11 mục 1 như sau:

“1.11. Khi đo lưới địa chính, lưới độ cao, lưới khống chế đo vẽ, đo vẽ chi tiết bản đồ địa chính bằng các loại máy đo đạc không có chức năng ghi tự động những thông tin của trạm đo và trị đo thì phải ghi sổ đo đầy đủ và giao nộp theo quy định; trường hợp sử dụng các loại máy chỉ ghi được trị đo mà không ghi được đầy đủ các thông tin trạm đo theo quy định tại Sổ nhật ký trạm đo thì phải lập sổ nhật ký trạm đo để ghi các thông tin về trạm đo và giao nộp kèm theo các file dữ liệu trị đo.

Quy cách sổ sách, biểu mẫu tính toán sử dụng trong quá trình thi công phải tuân theo đúng mẫu quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Mẫu Sổ nhật ký trạm đo được quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này.”

2. Sửa đổi, bổ sung điểm 1 khoản 3.9 mục 3 như sau:

“1. Ranh giới sử dụng đất của thửa đất (viết tắt là RGSDĐ) là đường phân định phạm vi sử dụng đất của mỗi người sử dụng đất vào một mục đích nhất định quy định tại Phụ lục 8 của Quy phạm 2008.

Trường hợp đất vườn, ao gắn liền với nhà ở trong khu dân cư mà người sử dụng đất không tự phân định được ranh giới giữa các loại đất thì ranh giới thửa đất được xác định là đường bao của toàn bộ diện tích đất vườn, ao và nhà ở đó; trên bản đồ địa chính phải ghi rõ mục đích đất ở và các mục đích nông nghiệp hiện đang sử dụng theo quy định.

Trường hợp RGSDĐ sản xuất nông nghiệp, đất lâm nghiệp, đất làm muối, đất nuôi trồng thủy sản là bờ thửa dùng chung không thuộc thửa đất nhưng có độ rộng dưới 0,5 m thì RGSDĐ xác định theo tâm bờ (diện tích bờ chia đều cho các bên), nếu từ 0,5m trở lên thì RGSDĐ là mép bờ (diện tích bờ thửa tính là diện tích đường giao thông nội đồng).”

3. Sửa đổi khoản 4.27 mục 4 như sau:

“4.27. Lưới địa chính xây dựng bằng phương pháp đường chuyền phải được bình sai chặt chẽ. Khi tính toán và trong kết quả cuối cùng, giá trị góc lấy chẵn đến giây, toạ độ và độ cao lấy chẵn đến milimet (0,001m).”

4. Sửa đổi khoản 4.33 mục 4 như sau:

“4.33. Lưới địa chính xây dựng bằng công nghệ GPS phải được bình sai chặt chẽ. Khi tính khái lược phải đảm bảo các chỉ tiêu sau:

1. Lờ giải được chấp nhận: Fixed
2. Ratio: $> 1,5$
3. Rms: $< 0,02+0.004*Sk_m$
4. Reference Variance: $< 30,0$
5. RDOP: $< 0,1$

Ghi chú:

Chỉ tiêu Ratio chỉ xem xét đến khi lờ giải là Fixed.

Chỉ tiêu RDOP chỉ xem xét đến khi các chỉ tiêu khác không đạt được để quyết định phải tính lại, loại bỏ hay đo lại.

Khi một trong các giá trị Reference Variance hoặc Rms vượt quá các chỉ tiêu nói trên nhưng không quá 1,5 lần thì phải tiến hành tính khép tam giác, đa giác và bình sai sơ bộ để quyết định phải tính lại, loại bỏ hay đo lại. Trong trường hợp đặc biệt cũng không được phép vượt quá 2 lần hạn sai cho phép. Số cạnh có một trong 2 giá trị nêu trên vượt quá 2 lần hạn sai cho phép không được chiếm quá 10% tổng số cạnh trong lưới.

Được phép thay đổi giá trị mặc định của tham số lọc (edit multiplier) nhưng không được phép nhỏ hơn 2,5.

Được phép cắt bỏ các tín hiệu vệ tinh thu được ở các vị trí thấp so với đường chân trời (elevation cut off) nhưng không được phép vượt quá 30⁰.

Số lần lặp trong quá trình tính toán không được phép vượt quá 10 lần.

Được phép đặt lại khoảng thời gian bắt đầu hoặc kết thúc quá trình đưa số liệu vào tính toán nhưng không được phép vượt quá 30% tổng thời gian quan trắc.”

5. Sửa đổi quy định về việc lập bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất tại khoản 7.13 mục 7 và khoản 9.10 mục 9 như sau:

a) Sửa đổi khoản 7.13 mục 7:

“7.13. Trước khi đo vẽ chi tiết cán bộ đo đạc phải phối hợp với chính quyền địa phương, yêu cầu người sử dụng đất xuất trình các giấy tờ liên quan đến thửa đất (có thể cung cấp bản sao các giấy tờ đó không cần công chứng), cùng người sử dụng đất lân cận xác định ranh giới thửa đất và đánh dấu mốc bằng đinh sắt, vạch sơn, cọc bê tông, cọc gỗ tại các điểm gấp khúc của đường ranh giới thửa đất; đồng thời phải lập bản mô tả ranh giới sử dụng đất để phục vụ cho việc đo vẽ chi tiết thửa đất.

Bản mô tả ranh giới, mốc giới sử dụng đất lập cho mỗi thửa đất một bản theo quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này. Các trường hợp sau đây không phải lập Bản mô tả ranh giới, mốc giới sử dụng đất:

- Thửa đất có giấy tờ thỏa thuận hoặc văn bản xác định ranh giới, mốc giới sử dụng đất mà ranh giới thửa đất không thay đổi;

- Thửa đất có một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại các khoản 1, 2 và 5 Điều 50 của Luật Đất đai hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mà trong các giấy tờ đó thể hiện rõ đường ranh giới chung của thửa đất với các thửa đất liền kề và hiện trạng đường ranh giới của thửa đất không thay đổi so với giấy tờ về quyền sử dụng đất;

- Thửa đất sản xuất nông nghiệp, đất lâm nghiệp, đất làm muối, đất nuôi trồng thủy sản có bờ ổn định là ranh giới chung của các thửa.

Đối với các trường hợp không phải lập Bản mô tả ranh giới, mốc giới sử dụng đất nêu trên thì phải công bố công khai bản vẽ và lập Biên bản về việc công bố công khai này theo quy định của Quy phạm 2008.

Trường hợp đang có tranh chấp về ranh giới thửa đất thì đơn vị đo đạc có trách nhiệm thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã để giải quyết theo quy định của pháp luật đất đai và ranh giới thửa đất được đo đạc theo kết quả giải quyết tranh chấp đó. Trường hợp tranh chấp chưa giải quyết xong trong thời gian đo đạc ở địa phương thì đo đạc theo ranh giới thực tế đang sử dụng và đơn vị đo

đạc có trách nhiệm lập bản mô tả thực trạng phần đất đang tranh chấp sử dụng đất thành hai (02) bản, một bản lưu hồ sơ do đạc, một bản gửi Ủy ban nhân dân cấp xã để giải quyết tranh chấp.”

b) Sửa đổi khoản 9.10 mục 9:

“9.10. Căn cứ vào kết quả đăng ký quyền sử dụng đất, xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, cơ quan tài nguyên môi trường cấp tỉnh tổ chức chỉnh sửa bản đồ địa chính phù hợp với kết quả đăng ký quyền sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận và các tài liệu có liên quan khác để giao nộp vào lưu trữ, khai thác, sử dụng theo quy định ở mục 10 Quy phạm 2008.

File dữ liệu lưu trữ phải đảm bảo ở dạng đóng, không tự do chỉnh sửa được.”

c) Bãi bỏ Phụ lục 10a ban hành kèm theo Quy phạm 2008 quy định về mẫu Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất.

6. Sửa đổi khoản 7.15 mục 7 như sau:

“7.15. Trong quá trình đo vẽ chi tiết, tại mỗi trạm máy phải bố trí các điểm chi tiết làm điểm kiểm tra với các trạm đo kề nhau. Số lượng điểm kiểm tra phụ thuộc vào khu vực đo và không dưới 2 điểm với mỗi trạm đo kề nhau.”

7. Bãi bỏ các quy định về hồ sơ kỹ thuật thửa đất như sau:

Bãi bỏ các quy định có liên quan đến việc lập, kiểm tra, giao nộp hồ sơ kỹ thuật thửa đất được quy định tại khoản 2.24, điểm 4 khoản 7.9, điểm 9 khoản 7.10, điểm 4 khoản 7.18, các khoản 7.34, 9.8, 9.10, 10.6, 10.8 và Phụ lục 11 của Quy phạm 2008.

8. Sửa đổi, bổ sung quy định về xác nhận kết quả đo đạc của người sử dụng đất và đăng ký đất đai:

a) Bãi bỏ Phụ lục 13a và các quy định có liên quan đến việc lập bảng thống kê diện tích, loại đất, người sử dụng đất theo hiện trạng đo vẽ bản đồ địa chính tại điểm 4 khoản 7.9, điểm 9 khoản 7.10, khoản 7.33 mục 7, khoản 9.7 mục 9 của Quy phạm 2008.

b) Bổ sung điểm 9.6a vào mục 9 như sau:

“9.6a. Giao, nhận kết quả đo đạc địa chính thửa đất kết hợp với đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất như sau:

Sau khi bản đồ địa chính được nghiệm thu cấp đơn vị thi công, đơn vị đo đạc in kết quả đo đạc địa chính thửa đất theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này và giao cho người sử dụng đất để kiểm tra và làm đơn đề nghị cấp mới hoặc cấp đổi Giấy chứng nhận hoặc đăng ký biến động theo quy định. Trường hợp phát hiện trong kết quả đo đạc địa chính thửa đất có sai sót thì người sử dụng đất báo cho đơn vị đo đạc kiểm tra, chỉnh sửa, bổ sung.

Trường hợp thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận và không có biến động về sử dụng đất mà người sử dụng đất không đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận thì người sử dụng đất xác nhận vào kết quả đo đạc địa chính thửa đất và nộp lại cho đơn vị đo đạc để làm cơ sở lập hồ sơ địa chính.

9. Bổ sung khoản 9.11 vào mục 9 Quy phạm 2008 như sau:

“9.11. Trường hợp các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư có nhu cầu cung cấp các thông tin về thửa đất thì Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất lập trích lục thửa đất từ bản đồ địa chính để cung cấp. Trích lục thửa đất được lập theo mẫu quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư này.

Trường hợp tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư có nhu cầu bổ sung thêm các thông tin khác ngoài các thông tin theo quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư này mà tư liệu bản đồ địa chính hoặc cơ sở dữ liệu địa chính có thể đáp ứng thì Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thực hiện trích lục thửa đất theo yêu cầu của người đề nghị cung cấp thông tin, trừ các thông tin phải bảo mật theo quy định của pháp luật.”

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 8 năm 2011.

Điều 3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý đất đai, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc thì các cơ quan, tổ chức phản ánh về Bộ Tài nguyên và Môi trường để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- UB TƯ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng Bộ TN&MT;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ TN&MT, Website Bộ TN&MT;
- Sở TN&MT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công báo, Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Lưu: VT, TCQLĐĐ, CĐKTK.

Chức vụ 33


**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Mạnh Hiền

Phụ lục 1. MẪU SỔ NHẬT KÝ TRẠM ĐO
(Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2011/TT-BTNMT ngày 20 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

(Trang bìa trong)

HƯỚNG DẪN GHI SỔ

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

(Trang bìa)

SỔ NHẬT KÝ TRẠM ĐO

Khu đo:

Cơ quan chủ đầu tư:

.....

Đơn vị thi công:

.....

(Ghi chú: Mẫu sổ này được sử dụng chung cho các cấp hạng đo: Lưới địa chính, lưới khống chế đo vẽ, đo vẽ chi tiết.
Trang sổ này có kích thước khổ giấy A5)

Năm

1. Sổ nhật ký trạm đo được sử dụng khi đo đạc lưới địa chính hoặc đo đạc lưới khống chế đo vẽ hoặc đo vẽ chi tiết bản đồ địa chính bằng các thiết bị đo có chức năng ghi trị đo dưới dạng file dạng số nhưng không ghi đầy đủ được các thông tin của trạm đo theo quy định tại các trang nội dung của sổ này.

2. Cách ghi sổ:

- Cấp hạng đo: Ghi cấp lưới (địa chính, lưới đo vẽ đường chuyền kinh vĩ 1, 2...) hoặc đo vẽ chi tiết.
- Phương pháp đo: GPS, đường chuyền (đối với lưới khống chế); toàn đạc, GPS động (đối với đo vẽ chi tiết)...
- Chiều cao máy: Ghi chiều cao ăng ten trong trường hợp đo bằng GPS.

Mẫu trang nội dung sổ (từ trang 1 đến trang 23)

TRẠM ĐO:

1. Ngày đo: / / ; Từ giờ đến giờ
2. Cấp hạng đo:
3. Phương pháp đo: ; Loại máy:
4. Người đo:
5. Người dựng gương: -
-
-
6. Chiều cao máy: m ; Chiều cao gương 1: m ;
Chiều cao gương 2: m ; Chiều cao gương 3: m
7. Thời tiết:
8. Nhiệt độ: ; Áp suất:

TRẠM ĐO:

1. Ngày đo: / / ; Từ giờ đến giờ
2. Cấp hạng đo:
3. Phương pháp đo: ; Loại máy:
4. Người đo:
5. Người dựng gương: -
-
-
6. Chiều cao máy: m ; Chiều cao gương 1: m ;
Chiều cao gương 2: m ; Chiều cao gương 3: m
7. Thời tiết:
8. Nhiệt độ: ; Áp suất:

Mẫu trang cuối của sổ nhật ký trạm đo (trang 24)

Sổ này đã sử dụng trang, từ trang đến trang

Tổng số trạm đo:

Đo từ ngày / / đến ngày / /

....., Ngày tháng năm

Tổ trưởng tổ đo

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ý kiến kiểm tra của đơn vị thi công:

.....

.....

.....

....., Ngày tháng năm

Người kiểm tra

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ý kiến kiểm tra của chủ đầu tư:

.....

.....

.....

....., Ngày tháng năm

Người kiểm tra

(Ký, ghi rõ họ tên)

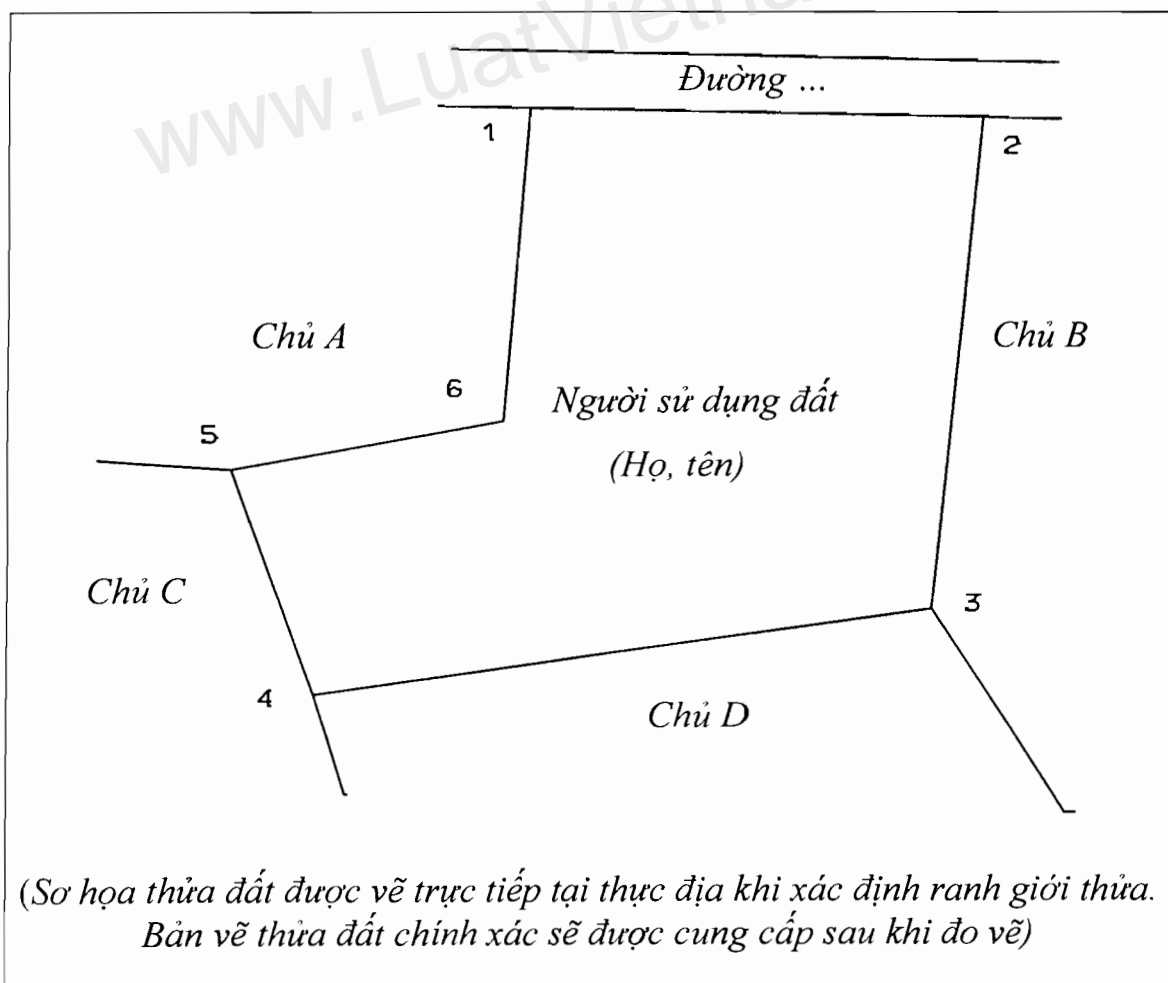
Phụ lục 2. MẪU BẢN MÔ TẢ RANH GIỚI, MỐC GIỚI THỬA ĐẤT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 21 /2011/TT-BTNMT ngày 20 tháng 6 năm 2011
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN MÔ TẢ
RANH GIỚI, MỐC GIỚI THỬA ĐẤT

Ngày.... tháng.... năm....., đơn vị đo đạc đã tiến hành xác định ranh giới, mốc giới thửa đất tại thực địa của (ông, bà, đơn vị)..... đang sử dụng đất tại (số nhà, đường phố, phường, quận hoặc thôn, xóm, xã, huyện). Sau khi xem xét hiện trạng về sử dụng đất và ý kiến thống nhất của những người sử dụng đất liền kề, đơn vị đo đạc đã xác định ranh giới, mốc giới sử dụng đất và lập bản mô tả ranh giới, mốc giới sử dụng đất như sau:

SƠ HỌA RANH GIỚI, MỐC GIỚI THỬA ĐẤT



MÔ TẢ CHI TIẾT MỐC GIỚI, RANH GIỚI THỪA ĐẤT

- Từ điểm 1 đến điểm 2:.....(Ví dụ: Điểm 1 là đầu sơn; ranh giới theo tim tường)
- Từ điểm 2 đến điểm 3:... (Ví dụ: Điểm 2,3 là cọc tre, ranh giới theo mép bờ trong rãnh nước)
- Từ điểm 3 đến điểm 4: ... (Ví dụ: Điểm 4 là góc ngoài tường, ranh giới theo mép sân, tường nhà);
- Từ điểm 4 đến điểm 5:.....

Người sử dụng đất hoặc chủ quản lý đất liền kề ký xác nhận ranh giới, mốc giới sử dụng đất:

| STT | Tên người sử dụng đất, chủ quản lý đất liền kề ⁽¹⁾ | Đồng ý (Ký tên) | Không đồng ý | |
|-----|---|--------------------|--------------------|--------|
| | | | Lý do không đồng ý | Ký tên |
| 1 | | | | |
| 2 | | | | |
| 3 | | | | |
| 4 | | | | |
| ... | | | | |

TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG RANH GIỚI THỪA ĐẤT TỪ KHI CẤP GCN (NẾU CÓ)

.....

.....

.....

Người sử dụng đất
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người dẫn đạc⁽²⁾
(Ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ đo đạc
(Ký, ghi rõ họ tên)

(1) Ghi họ tên cá nhân hoặc họ tên người đại diện hộ gia đình, hoặc tên tổ chức, tên cộng đồng dân cư và họ tên người đại diện trong trường hợp đồng sử dụng đất;

Chủ quản lý đất chỉ ký trong trường hợp đất do tổ chức phát triển quỹ đất quản lý.

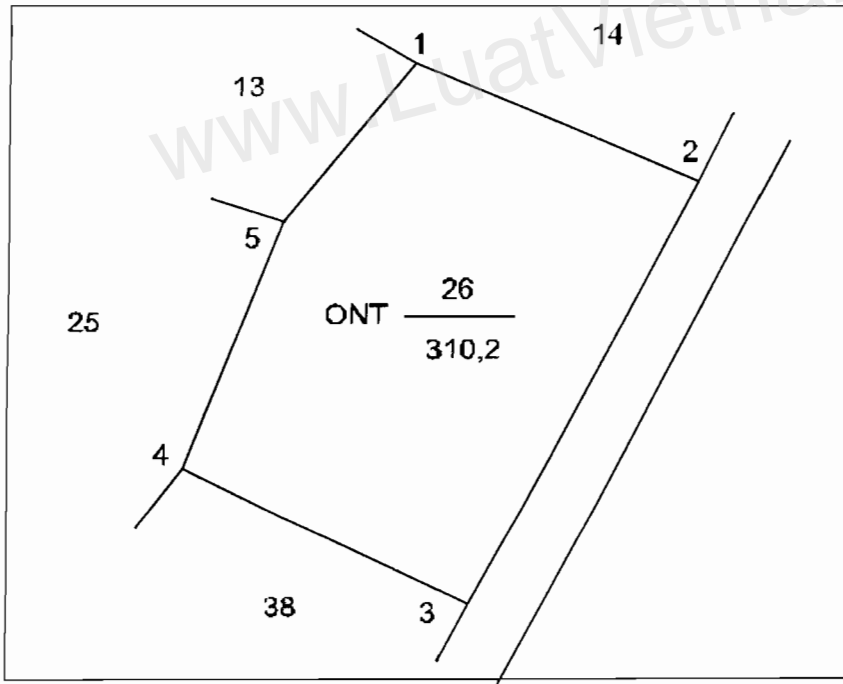
(2) Người dẫn đạc là cán bộ địa chính cấp xã hoặc cán bộ thôn, xóm, tổ dân phố trực tiếp tham gia việc xác định ranh giới, mốc giới thửa đất

Phụ lục 3. MẪU KẾT QUẢ ĐO ĐẠC ĐỊA CHÍNH THỬA ĐẤT
 (Ban hành kèm theo Thông tư số 24 /2011/TT-BTNMT ngày 20 tháng 5 năm 2011
 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ ĐO ĐẠC ĐỊA CHÍNH THỬA ĐẤT

1. Thửa đất số:; Tờ bản đồ địa chính số:
2. Địa chỉ thửa đất:
3. Diện tích: m²; Mục đích sử dụng đất:
4. Tên người sử dụng đất:
5. Địa chỉ thường trú:
6. Hình thức sử dụng: chung , riêng
7. Giấy tờ về quyền sử dụng đất:
 - Loại giấy tờ hiện có:; Diện tích trên giấy tờ: m²
 - Tình hình thay đổi ranh giới thửa đất so với khi có giấy tờ:
8. Tình hình tranh chấp sử dụng đất:
9. Sơ đồ thửa đất:



| Cạnh | Chiều dài (m) |
|------|---------------|
| 1-2 | |
| 2-3 | |
| 3-4 | |
| 4-5 | |
| 5-1 | |
| | |
| | |
| | |
| | |

....., ngày tháng..... năm.....

Người sử dụng đất*
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

* Người sử dụng đất ký và nộp lại cho Đơn vị đo đạc đối với trường hợp thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận mà không có nhu cầu cấp đổi Giấy chứng nhận mới. Trường hợp phát hiện có sai sót về các thông tin đo đạc địa chính thửa đất trên đây thì người sử dụng đất báo ngay cho Đơn vị đo đạc để kiểm tra, chỉnh sửa, bổ sung.

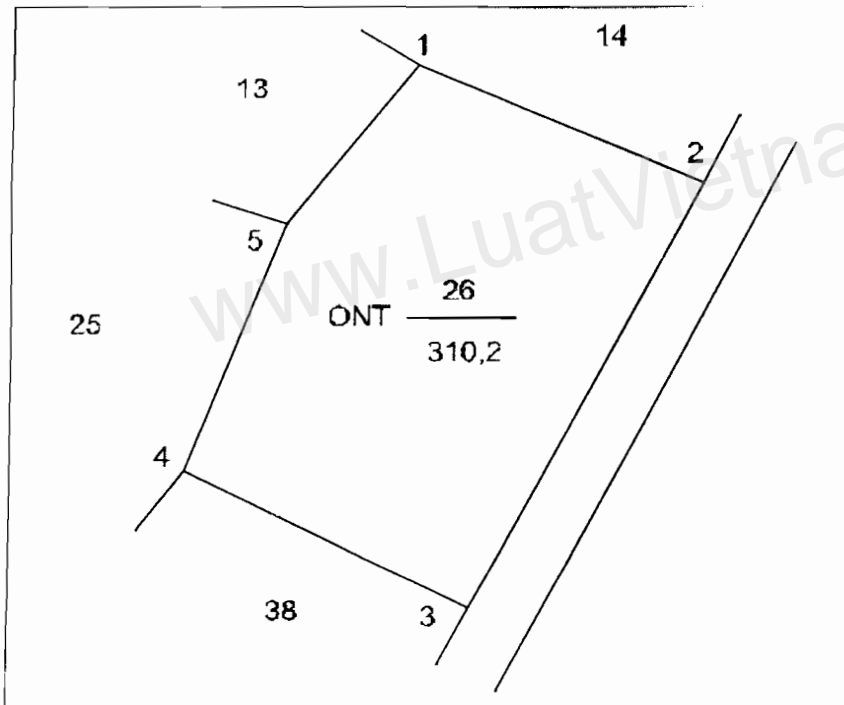
Phụ lục 4. MẪU TRÍCH LỤC BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH

(Ban hành kèm theo Thông tư số 24 /2011/TT-BTNMT ngày 20 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

TRÍCH LỤC BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH

- Số hiệu thửa đất:; Tờ bản đồ địa chính số:
- Xã (Phường, Thị trấn): Huyện (Thị xã, Quận, TP): Tỉnh, TP:
- Diện tích: m²;
- Mục đích sử dụng đất:
- Tên người sử dụng đất:
- Địa chỉ thường trú:
- Bản vẽ thửa đất:

5.1. Sơ đồ thửa đất



5.2. Chiều dài cạnh thửa

| Cạnh | Chiều dài (m) |
|------|---------------|
| 1-2 | |
| 2-3 | |
| 3-4 | |
| 4-5 | |
| 5-1 | |
| | |
| | |
| | |
| | |

NGƯỜI TRÍCH LỤC
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng..... năm.....
GIÁM ĐỐC
VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
(Ký, đóng dấu)